NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH: KINH DOANH QUỐC TẾ

Mã ngành: 7340120

(Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2024)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2024

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 189 /QĐ-ĐHNH, ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh)

- Tên chương trình (Tiếng Việt): **KINH DOANH QUỐC TẾ**
- Tên chương trình (Tiếng Anh): **INTERNATIONAL BUSINESS**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Kinh doanh quốc tế**
- Mã ngành: **7340120**
- Hình thức đào tạo: **Chính quy tập trung**
- Chuẩn đầu vào: **Thực hiện theo đề án tuyển sinh**
- Thời gian đào tạo (theo thiết kế): **04 năm (08 học kỳ)**
- Thời điểm cập nhật bản chương trình đào tạo: **tháng 01 năm 2024**

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives – PO):

1.1. Mục tiêu chung: (PO)

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), có kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng cho doanh nghiệp và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể: (POi)

PO1. Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo

PO2. Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế.

PO3. Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp

PO4. Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập

PO5. Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế

2. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes - PLOs) và Chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (Peformance Indicator – PIn):

Người học khi tốt nghiệp chương trình đào tạo ***ngành Kinh doanh quốc tế*** của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có khả năng:

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
PLO1		Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	**3**	
	PI 1.1	Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp.	**3**	
	PI 1.2	Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp.	**3**	
PLO2		Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	**4**	
	PI 2.1	Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện.	**4**	
	PI 2.2	Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề	**4**	
PLO3		Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	**4**	
	PI 3.1	Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù	**4**	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
		hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm.		
	PI 3.2	Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế.	4	
PLO4		Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
	PI 4.1	Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	4	
	PI 4.2	Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời.	4	
PLO5		Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	4	
	PI 5.1	Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp.	4	
	PI 5.2	Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp.	4	
	PI 5.3	Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp.	4	
PLO6		Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.1	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
	PI 6.2	Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	4	
PLO7		Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	4	

Ký hiệu CĐR (PLOs)	Ký hiệu CSĐG (PIn)	DỰ THẢO PLO/PI	Mức độ đạt được	GHI CHÚ
	PI 7.1	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành	4	
	PI 7.2	Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành	4	
PLO8		Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 08.1	Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 08.2	Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO9		Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT) Đối với Chương trình CLC (TABP): Chuẩn bậc 4/6	4	
PL10		Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
	PI 10.1	Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp.	3	
	PI 10.2	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.	4	
PLO11		Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	5	
	PI 11.1	Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	5	
	PI 11.2	Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	5	

3. Ma trận quan hệ giữa Mục tiêu (POi) và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs):

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Mục tiêu của CTĐT (POi)		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)** *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
Mục tiêu chung: Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có năng lực đáp ứng yêu cầu bậc 6 trong khung trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành theo Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ), có kiến thức, kỹ năng, và mức tự chủ và trách nhiệm đáp ứng cho doanh nghiệp và xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa												
Mục tiêu cụ thể:												
PO1	Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	X					X	X				X
PO2	Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế				X	X						
PO3	Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp		X	X								
PO4	Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập									X	X	
PO5	Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn						X	X	X			X

Mục tiêu của CTĐT (POi)		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế											

Ma trận thể hiện sự tương thích giữa POs, PLOs và PIs.

PO	PLO	PI
PO1: Cung cấp cho người học những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật và kiến thức chuyên sâu về nghề nghiệp để thực hiện các công việc trong lĩnh vực ngành nghề được đào tạo	**PLO1** Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật để vận dụng vào những vấn đề cuộc sống và trong các hoạt động nghề nghiệp.	**PI 1.1** Vận dụng phù hợp kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với bối cảnh xã hội và nghề nghiệp
		PI 1.2 Có khả năng áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên vào tính toán, thiết kế, phân tích, lập luận và giải thích các vấn đề trong lĩnh vực nghề nghiệp
	PLO6 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	**PI 6.1** Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn
		PI 6.2 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
	PLO7 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	**PI 7.1** Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành
		PI 7.2 Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành
	PLO11. Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	**PI 11.1** Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế
		PI 11.2 Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế

PO	PLO	PI
PO2: Đào tạo người học có phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp và khả năng định hướng phát triển nghề nghiệp thích nghi với thay đổi của môi trường kinh tế, xã hội, hội nhập quốc tế	**PLO4.** Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu và quản lý các nguồn lực cá nhân, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	**PI 4.1** Có khả năng tổ chức và quản lý các nguồn lực cá nhân để hoàn thành các nhiệm vụ học tập
		PI 4.2 Tham gia, thể hiện tinh thần học tập, nghiên cứu và thích ứng của cá nhân đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời
	PLO5. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, có thái độ hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm xã hội, cộng đồng	**PI 5.1** Tuân thủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức trong lĩnh vực nghề nghiệp
		PI 5.2 Thể hiện sự chuyên nghiệp trong giao tiếp, ứng xử, và quản lý tình huống trong môi trường nghề nghiệp
		PI 5.3 Đóng góp và thể hiện trách nhiệm xã hội, cộng đồng và có tinh thần khởi nghiệp
PO3: Cung cấp cho người học khả năng tư duy phản biện, cộng tác làm việc nhóm giao tiếp chuyên nghiệp khi thực hiện các hoạt động nghề nghiệp	**PLO2.** Có khả năng vận dụng tư duy phản biện trong giải quyết các vấn đề nghề nghiệp.	**PI 2.1** Khả năng phân tích thông tin, đánh giá các lựa chọn và đưa ra quyết định thông qua quá trình suy luận và phản biện
		PI 2.2 Khả năng xác định các vấn đề trong tình huống nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề
	PLO3. Có năng lực làm việc theo nhóm, truyền đạt hiệu quả trong điều kiện làm việc thay đổi và môi trường hội nhập quốc tế.	**PI 3.1.** Hình thành, triển khai hoàn thành công việc trong nhóm, ứng xử phù hợp và phát triển tinh thần trách nhiệm trong nhóm
		PI 3.2 Thực hiện các hoạt động truyền đạt hiệu quả trong môi trường công việc và môi trường hội nhập quốc tế
PO4: Cung cấp cho người học năng lực về ngoại ngữ	**PLO9.** Khả năng sử dụng Tiếng Anh tối thiểu tương đương chuẩn trình độ trung	

PO	PLO	PI
và công nghệ thông tin đáp ứng với môi trường làm việc chuyên nghiệp và hội nhập	cấp bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo thông tư Số: 01/2014/TT-BGDT) Đối với Chương trình CLC (TABP): Chuẩn bậc 4/6	
	PLO10. Có kiến thức công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp	**PI 10.1** Biết sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực nghề nghiệp
		PI 10.2 Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp
PO5: Đào tạo người học có khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn và phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	**PLO6.** Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng và chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn	**PI 6.1** Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức nền tảng để giải quyết các vấn đề chuyên môn
		PI 6.2 Có khả năng vận dụng thành thạo kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề chuyên môn
	PLO7. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành và liên ngành	**PI 7.1.** Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực chuyên ngành
		PI 7.2. Xác định các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực liên ngành
	PLO8. Có khả năng thích ứng với các xu hướng thay đổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp	**PI 8.1.** Xác định các xu hướng hiện tại và mới nổi trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.
		PI 8.2. Phân tích rủi ro, cơ hội liên quan đến việc thay đổi xu hướng trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp
	PLO11. Xây dựng tư duy phát triển nghề nghiệp liên tục trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế	**PI 11.1** Xây dựng kế hoạch phát triển nghề nghiệp lâu dài trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế

PO	PLO	PI
		PI 11.2 Đề xuất các ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế

4. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam:

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)** *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
Kiến thức:												
KT1	Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.	X										X
KT2	Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật	X										
KT3	Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.										X	
KT4	Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.						X	X	X			X
KT5	Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	X					X	X				X
Kỹ năng:												
KN1	Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.		X	X								X
KN2	Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.			X		X						
KN3	Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều		X									

Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học		Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs) *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.											
KN4	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.			X	X							
KN5	Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.			X				X	X			
KN6	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.									X		
Mức độ tự chủ và trách nhiệm:												
TCTN1	Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.			X	X							
TCTN2	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.			X			X	X	X			X
TCTN3	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.				X		X	X	X			X
TCTN4	Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.				X		X	X	X			X

5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

Cử nhân Ngành Kinh doanh quốc tế khi ra trường có thể làm việc được trong cả khu vực Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân tại các vị trí như:

- Nhân viên/quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu/thương mại trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nhân viên/quản lý vận hành kinh doanh, logistics, marketing, bán hàng trong các công ty đa quốc gia/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Nhân viên thanh toán quốc tế trong các ngân hàng thương mại.

Nhân viên cho các tổ chức chính phủ và phi chính phủ như: Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), tổ chức phi chính phủ (NGO).

- Chuyên viên các Sở, Ban, Ngành của nhà nước: chẳng hạn như, Sở công thương, Sở kế hoạch và đầu tư, Ban quản lý khu chế xuất khu công nghiệp, Phòng thương mại công nghiệp Việt Nam, Hải quan và cảng vụ, bộ phận/cơ quan quản lý đầu tư trực tiếp nước ngoài, các bộ phận thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu, bảo hiểm xuất khẩu, tiếp thị quốc tế, tại các phòng kinh doanh xuất nhập khẩu của các loại hình doanh nghiệp, bộ phận thanh toán quốc tế thuộc mọi thành phần kinh tế và ngân hàng, công ty vận tải biển, các công ty giao nhận hàng hóa (logistic), bộ phận nghiên cứu và phát triển (R&D) cho mọi thành phần kinh tế.

- Nghiên cứu viên và giảng viên tại các cơ sở giáo dục Cao đẳng, Đại học, Trung học chuyên nghiệp, và các cơ sở nghiên cứu; có thể đảm nhận công việc như tham gia nghiên cứu về lĩnh vực kinh doanh quốc tế và kinh tế quốc tế.

- Người học có khả năng tự học suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc. Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai tại một số ngành liên quan như Quản trị kinh doanh, Kinh tế quốc tế; có thể chuyển đổi với các chương trình đào tạo cử nhân quốc tế tương đương; có thể học tiếp lên chương trình cao học trong nước và quốc tế về Kinh doanh quốc tế.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Người học có thể tiếp tục học chương trình đào tạo sau Đại học các ngành liên quan như Quản trị kinh doanh và Kinh doanh quốc tế.

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 122 tín chỉ, cộng với học phần Giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (08 tín chỉ). Các học phần trong

CTĐT được tổ chức giảng dạy trực tiếp và trực tuyến (online) đảm bảo số tín chỉ giảng dạy trực tuyến không vượt quá 30% tổng số lượng tín chỉ.

Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Đối tượng tuyển sinh:

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định chi tiết của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh

10. Chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh:

10.1. Các trường đại học ở nước ngoài

Chương trình cử nhân kinh doanh quốc tế của Đại học Normandie

10.2. Các trường đại học ở Việt Nam

Chương trình cử nhân Kinh doanh quốc tế của trường Đại học Kinh tế - Luật

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế của trường Đại học Ngoại Thương

Chương trình cử nhân Kinh doanh Quốc tế của trường Đại học Mở TPHCM

11. Phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập

11.1. Phương pháp giảng dạy

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ***ngành Kinh doanh quốc tế***, các chiến lược và phương pháp giảng dạy được áp dụng cụ thể như sau:

- *Phương pháp Thuyết giảng (Lecture):* Giảng viên trình bày tài liệu và giải đáp các thắc mắc của học viên.
- *Phương pháp Bài giảng tương tác (Interactive lecture):* Thuyết giảng trong đó có quãng thời gian nghỉ khoảng từ hai đến mười lăm phút để cho sinh viên thực hiện các hoạt động học tập (chẳng hạn như: trả lời các câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn, giải quyết vấn đề, bài tập so khớp và điền vào chỗ trống trong tập ghi chú bài giảng, vấn đáp về một trường hợp điển hình nhỏ, bài tập chia

sẻ suy nghĩ theo cặp hoặc thảo luận nhóm nhỏ) cứ sau 12 đến 20 phút.

- *Phương pháp Thảo luận có định hướng (Directed discussion):* Thảo luận trong lớp theo một bộ câu hỏi ít nhiều có tính trật tự mà giảng viên đặt ra để dẫn dắt học sinh đến những nhận thức hoặc kết luận nhất định hoặc để giúp họ đạt được một kết quả học tập cụ thể.

- *Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày) (Writing and speaking exercises):* các bài tập, hoạt động học tập (thường thực hiện trong lớp và không chấm điểm), nhằm giúp người học khai thác học liệu, nắm vững kiến thức và chuẩn bị tốt cho bài tập có đánh giá điểm.

- *Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm (Group work/learning):* người học thực hiện hoạt động học tập hoặc tạo ra một sản phẩm theo nhóm nhỏ từ hai đến sáu người trong hoặc ngoài lớp học, dưới sự hướng dẫn cẩn thận của giảng viên.

- *Giảng dạy bằng tình huống điển hình (Case method):* Người học áp dụng kiến thức của môn học để đề ra giải pháp hoặc cách thức giải quyết các vấn đề, tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế; tổ chức học tập bằng hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ hoặc cả lớp.

- *Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề (Problem-based learning):* Các nhóm người học tiến hành nghiên cứu bên ngoài lớp học về các vấn đề chưa biết, do người học phát hiện nhằm xác định giải pháp hoặc cách giải quyết cho các vấn đề mơ hồ hoặc tình huống khó xử được trình bày trong một câu chuyện hoặc tình huống thực tế.

- *Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án (Project-based learning):* người học (với tư cách cá nhân hoặc theo nhóm) áp dụng kiến thức khóa học để tạo ra một kết quả học tập, ví dụ: một báo cáo (viết hoặc nói), bản thiết kế quy trình hoặc sản phẩm, đề cương nghiên cứu hoặc mã máy tính; thường kết hợp với học tập hợp tác.

- *Giảng dạy vừa đúng lúc (Just-in-time teaching)*: là phương pháp giảng dạy trong đó giảng viên thực hiện điều chỉnh "vừa đúng lúc" các hoạt động dạy học trên lớp phù hợp với nhu cầu, trình độ của người học và định hướng lại các nhận thức sai của người học về nội dung bài học. Đầu tiên, người học hoàn thành các bài tập được giao (có thể bao gồm cả việc nghiên cứu các học liệu chưa được giảng trên lớp) và nộp bài thông qua phần mềm quản lý lớp học hoặc điền vào mẫu trên Web, gửi email, tin nhắn trên Facebook... đến giảng viên theo thời gian định trước (thường khoảng một vài giờ trước khi lên lớp).

Sau khi người học nộp bài, giảng viên sẽ kiểm tra phản hồi của người học nhằm kịp thời phát hiện những hạn chế, yếu kém, những nhận thức sai lầm của người học cũng như những kiến thức mà người học có thể tự học; giảng viên sử dụng các câu trả lời đó để tổ chức buổi học sắp tới.

Các phương pháp giảng dạy nói trên hướng đến việc giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT cụ thể như sau:

Phương pháp giảng dạy		**Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)** *(Đánh dấu X vào ô có liên quan)*										
		1	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**
1	Phương pháp Thuyết giảng	X										X
2	Phương pháp Bài giảng tương tác	X										X
3	Phương pháp Thảo luận có định hướng		X			X	X			X		X
4	Phương pháp Bài tập (viết, hoặc trình bày)	X					X	X		X	X	
5	Phương pháp giảng dạy thông qua Làm việc/học tập theo nhóm			X			X					X
6	Giảng dạy bằng tình huống điển hình		X				X	X	X			X
7	Giảng dạy bằng học tập dựa vào cách giải quyết vấn đề		X		X		X	X	X		X	X
8	Giảng dạy bằng học tập dựa trên dự án					X	X	X		X	X	X
9	Giảng dạy vừa đúng lúc		X	X					X			

11.2. Đánh giá kết quả học tập

Điểm đánh giá kết quả học tập từng học phần của sinh viên được tính theo thang điểm hệ 10, được quy đổi sang điểm chữ và thang điểm hệ 4. Việc quy đổi điểm giữa các thang điểm được thực hiện theo Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành tại Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Kết cấu và nội dung chương trình

12.1. Kết cấu chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số học phần			Số tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn		Bắt buộc	Tự chọn		
			Bắt buộc	Tự do		Bắt buộc	Tự do	
1	Giáo dục đại cương	6			14			11,5
2	Giáo dục chuyên nghiệp							
2.1	*Cơ sở ngành*	11	1		31	2		27
2.2	*Ngành*	11	1		33	3		29,5
2.3	*Chuyên ngành*	9	3		30	9		32
	Tổng cộng	**37**	**5**		**108**	**14**		**100%**

TT	Khối kiến thức khác	Số tín chỉ
1	Giáo dục thể chất	5
2	Giáo dục Quốc phòng an ninh	8
	Tổng cộng	**13**

12.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG KHÁC							
		Học phần bắt buộc						
1	MLM306	Triết học Mác-Lênin / Marxist-Leninist phylosophy	3	3	0	0	-	I
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/*Political Economics of Marxism and Leninism*	2	2	0	0	-	II
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/*Scientific socialism*	2	2	0	0	-	III
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/*History of Vietnamese communist party*	2	2	0	0	MLM306	II
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/*Ideologies of Ho Chi Minh*	2	2	0	0	MLM306	IV
6	AMA701	Thống kê cơ bản/*Elementary*	3	3	0	0	-	II

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
		Statistics						
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP							
	Học phần khối kiến thức cơ sở ngành							
		Học phần bắt buộc						
1	MES302	Kinh tế học vi mô/ *Microeconomics*	3	3	0	0	-	I
2	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ *Macroeconomics*	3	3	0	0	-	I
3	ACC301	Nguyên lý kế toán / *Principles of Accounting*	3	3	0	0	-	II
4	LAW724	Pháp luật trong kinh doanh / *Law in Business*	3	3	0	0	-	II
5	MAG322	Quản trị học/ *Principles of Management*	3	3	0	0	-	I
6	INB716	Giới thiệu tài chính và đầu tư/ *Introduction to Finance and Investmen*	3	3	0	0	-	II
7	INB717	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ *Principles of Business Strategy*	3	3	0	0	-	III
8	ITS301	Tin học ứng dụng/ *Applied Informatics*	3	2	1	0	Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao	III
9	ENL701	Tiếng Anh chuyên ngành 1 / English for specific purposes	2	2	0	0	- TOEIC 350, IELTS 3.5, bậc 2 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc - Theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực TA đầu khóa	III
10	ENP718	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế / English for International Business	2	2	0	0	ENL701	IV

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
11	MKE308	Nguyên lý Marketing/ Principles of Marketing	3	3	0	0	-	II
12		**Học phần tự chọn** (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)						
12a	MAG709	Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*	2	2	0	0	-	III
12b	INB718	Lịch sử kinh doanh/ *Business History*	2	2	0	0	MES302	III
	Học phần khối kiến thức ngành							
		Học phần bắt buộc						
1	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/*Scientific Research Methodology*	3	3	0	0	-	VI
2	INE307	Tài chính quốc tế /*International Finance*	3	3	0	0	-	V
3	INB704	Phân tích dữ liệu kinh doanh/ *Business data and analytics*	3	3	0	0	-	IV
4	INB701	Hành vi người tiêu dùng quốc tế/ *International Consumer Behavior*	3	3	0	0	MKE308	IV
5	INB726	Logistics 4.0/ *Logistics 4.0*	3	3	0	0	-	VI
6	INE309	Quản trị dự án quốc tế/ *International Project Management*	3	3	0	0	-	VI
7	INB703	Marketing toàn cầu/ *Global Marketing*	3	3	0	0	MKE308	V
8	INB719	Nghiên cứu thị trường/ *Market research*	3	3	0	0	AMA701	VI
9	INB720	Kênh phân phối/ *Distribution Channels*	3	3	0	0	-	V
10	INE302	Kinh tế học quốc tế/ *International Economics*	3	3	0	0	-	III
11	INB721	Quản trị vận hành và quy trình quốc tế / *International Operation and Process Management*	3	3	0	0	MAG322	V
12		**Học phần tự chọn** (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)						

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
12a	LAW723	Pháp luật về an ninh mạng/ *Cybersecurity Law*	3	3	0	0	LAW724	VIII
12b	MKE303	Marketing dịch vụ/ *Services Marketing*	3	3	0	0	MKE308	VIII
12c	INB730	Dịch vụ tài chính và trò chơi/ *Financial and Gaming Services*	3	3	0	0	FIN303	VIII
	Học phần khối kiến thức chuyên ngành							
		Học phần bắt buộc						
1	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*	3	3	0	0	ACC301	IV
2	INB722	Địa chính trị/ *Geopolitics*	3	3	0	0	MES303	VI
3	INE306	Kinh doanh quốc tế/ *International Business*	3	3	0	0	MES302	IV
4	MES308	Kinh tế học quản lý/ Managerial Economics	3	3	0	0	MES302	VIII
5	INE310	Chiến lược Kinh doanh quốc tế/ *International business strategy*	3	3	0	0	INE306	VIII
6	INB723	Quản lý đa văn hóa/ *Multicultural Management*	3	3	0	0	-	VII
7	INB724	Chiến lược Marketing/ *Strategic Marketing*	3	3	0	0	MKE308	VII
8	INB725	Trò chơi kinh doanh/ *Business Game*	3	3	0	0	MAG322	VIII
9		**Học phần tự chọn** (*Sinh viên chọn 1 trong số 3 học phần sau*)						
9a	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý/ *Information Systems*	3	3	0	0	MAG322	VII
9b	MAG302	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ *Business Ethics and Corporate Culture*	3	3	0	0	MAG322	VII
9c	INB713	Các mô hình kinh doanh số/Digital Business Models	3	3	0	0		VII
		Học phần thay thế (chọn giữa thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế. Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện theo quy chế của Trường)						

TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Phân bổ thời lượng tín chỉ			Mã học phần trước	Học kỳ phân bổ
				Lý thuyết	Thực hành	Khác		
10	INB727	Ứng dụng Marketing số/ *Digital Marketing Applications*	3	3	0	0	MKE308	VIII
11	INB728	Vận hành Thương mại điện tử/ *E-commerce Operations*	3	3	0	0	-	VIII
12	INB729	Vận tải đa phương thức/ *Multimodal Transportation*	3	3	0	0	-	VIII
13	INT704	**Thực tập cuối khóa ngành KDQT/ *Internship in International Business***	3	0	3	0	Theo quy chế đào tạo của Trường	VIII
14	INB733	**Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT/ *Dissertation in International Business***	9	0	0	9	Theo quy chế đào tạo của Trường	VIII
Tổng số tín của chương trình đào tạo			122					
Tổng số tín chỉ bắt buộc			108					
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			14					

13. Kế hoạch đào tạo phân theo học kỳ:

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
1	1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/ *Philosophy of Marxism and Leninism*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	2	MES302	Kinh tế học vi mô/ *Microeconomics*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	3	MES303	Kinh tế học vĩ mô/*Macroeconomics*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	4	ACC301	Nguyên lý kế toán/*Principles of Accounting*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	MAG322	Quản trị học/ *Principles of management*	3	Không	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**15**			
2	1	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ *Political*	2	Không	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
			Economics of Marxism and Leninism				
	2	AMA701	Thống kê cơ bản/ *Elementary Statistics*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	3	LAW724	Pháp luật trong kinh doanh/ *Law in Business*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	4	INB716	Giới thiệu tài chính và đầu tư/ *Introduction to Finance and Investment*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	MKE308	Nguyên lý marketing/*Principles of Marketing*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	6	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ *History of Vietnamese communist party*	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**16**			
3	1	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/Scientific socialism	2	Không	BB	Tiếng Việt
	2	ITS301	Tin học ứng dụng/*Applied Informatics*	3	Chứng chỉ ứng dụng CNTT nâng cao	BB	Tiếng Việt
	3	ENL701	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ *English for specific purposes*	2	- TOEIC 350, IELTS 3.5, bậc 2 khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc - Theo quy định của kỳ kiểm tra năng lực TA đầu khóa	BB	Tiếng Anh
	4	INB717	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ *Principles of Business Strategy*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	INE302	Kinh tế học quốc tế/ *International Economics*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	6	***Học phần tự chọn***		***2***			

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
		(Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)					
	6a	MAG709	Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*	*2*	Không	TC	Tiếng Việt
	6b	INB718	Lịch sử kinh doanh/ *Business History*	*2*	INE302	TC	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**15**			
4	1	ENP718	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ English for International *Business*	2	ENL701	BB	Tiếng Anh
	2	INE306	Kinh doanh quốc tế/ *International Business*	3	MES302	BB	Tiếng Việt
	3	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ *Ideologies of Ho Chi Minh*	2	MLM306	BB	Tiếng Việt
	4	INB701	Hành vi người tiêu dùng quốc tế/ *International Consumer Behavior*	3	MKE308	BB	Tiếng Việt
	5	INB704	Phân tích dữ liệu kinh doanh/ *Business data and analytics*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	6	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*	3	ACC301	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**16**			
5	1	INB721	Quản trị vận hành và quy trình quốc tế /*Operation and Process Management*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	2	INB720	Kênh phân phối/ *Distribution Channels*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	3	INB703	Marketing toàn cầu/ *Global Marketing*	3	MKE308	BB	Tiếng Việt
	4	INE307	Tài chính quốc tế/*International Finance*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	5	INB719	Nghiên cứu thị trường/ *Market research*	3	AMA701	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**15**			
6	1	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/*Scientific Research Methodology*	3	Không	BB	Tiếng Việt

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	2	INB726	Logistics 4.0/ *Logistics 4.0*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	3	INE309	Quản trị dự án quốc tế/ *International Project Management*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	4	INB722	Địa chính trị/ *Geopolitics*	3	MES303	BB	Tiếng Việt
	6		***Học phần tự chọn*** (*Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau*)				
	6a	LAW723	Pháp luật về an ninh mạng/ *Cybersecurity Law*	3	LAW724	TC	Tiếng Việt
	6b	MKE303	Marketing dịch vụ/ *Services Marketing*	3	MKE308	TC	Tiếng Việt
	6c	INB730	Dịch vụ tài chính và trò chơi/ *Financial and Gaming Services*	3	FIN303	TC	Tiếng Việt
			Tổng tín chỉ trong học kỳ	**15**			
7	1	MES308	Kinh tế học quản lý/ *Managerial Economics*	3	MES302	BB	Tiếng Việt
	2	INE310	Chiến lược Kinh doanh quốc tế/ *International business strategy*	3	INE306	BB	Tiếng Việt
	3	INB724	Chiến lược Marketing/ *Strategic Marketing*	3	MKE308	BB	Tiếng Việt
	4	INB723	Quản lý đa văn hóa/ *Multicultural Management*	3	Không	BB	Tiếng Việt
	Học phần tự chọn / Alternative options (*Sinh viên chọn 1 trong số 3 học phần sau*)						
	5a	ITS304	Hệ thống thông tin quản lý/ *Information Systems*	3	MAG322	TC	Tiếng Việt
	5b	MAG302	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ *Business Ethics and Corporate Culture*	3	MAG322	TC	Tiếng Việt
	5c	INB713	Các mô hình kinh doanh số/ Digital Business Models	3	Không	TC	Tiếng Việt
			Tổng tín chỉ trong học kỳ	**15**			
8	6	**Học phần thay thế khóa luận/ *Alternative option for Dissertation***		**9**			

Học kỳ	TT	Mã học phần	Tên học phần (Tiếng Việt/Tiếng Anh)	Số tín chỉ	Mã học phần trước	Bắt buộc (BB)/Tự chọn (TC)	Ngôn ngữ giảng dạy
	6a	INB727	Ứng dụng Marketing số/ *Digital Marketing Applications*	3	MKE308	TC	Tiếng Việt
	6b	INB728	Vận hành Thương mại điện tử/ *E-commerce Operations*	3	Không	TC	Tiếng Việt
	6c	INB729	Vận tải đa phương thức/ *Multimodal Transportation*	3	Không	TC	Tiếng Việt
	Học phần bắt buộc						
	7	INB725	Trò chơi kinh doanh/ *Business Game*	3	MAG322	BB	Tiếng Việt
	8	INT704	**Thực tập cuối khóa ngành KDQT**/*Internship in International Business*	3	Theo quy chế đào tạo của Trường	BB	Tiếng Việt
	9	INB733	**Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT/** *Dissertation in International Business*	9	Các môn chuyên ngành Kinh doanh quốc tế Các môn học về Phương pháp nghiên cứu khoa học, Kinh tế lượng ứng dụng	BB	Tiếng Việt
		Tổng tín chỉ trong học kỳ		**15**			

14. Sơ đồ cây chương trình đào tạo (danh sách các học phần được hệ thống hóa theo các khối kiến thức và trình tự học):

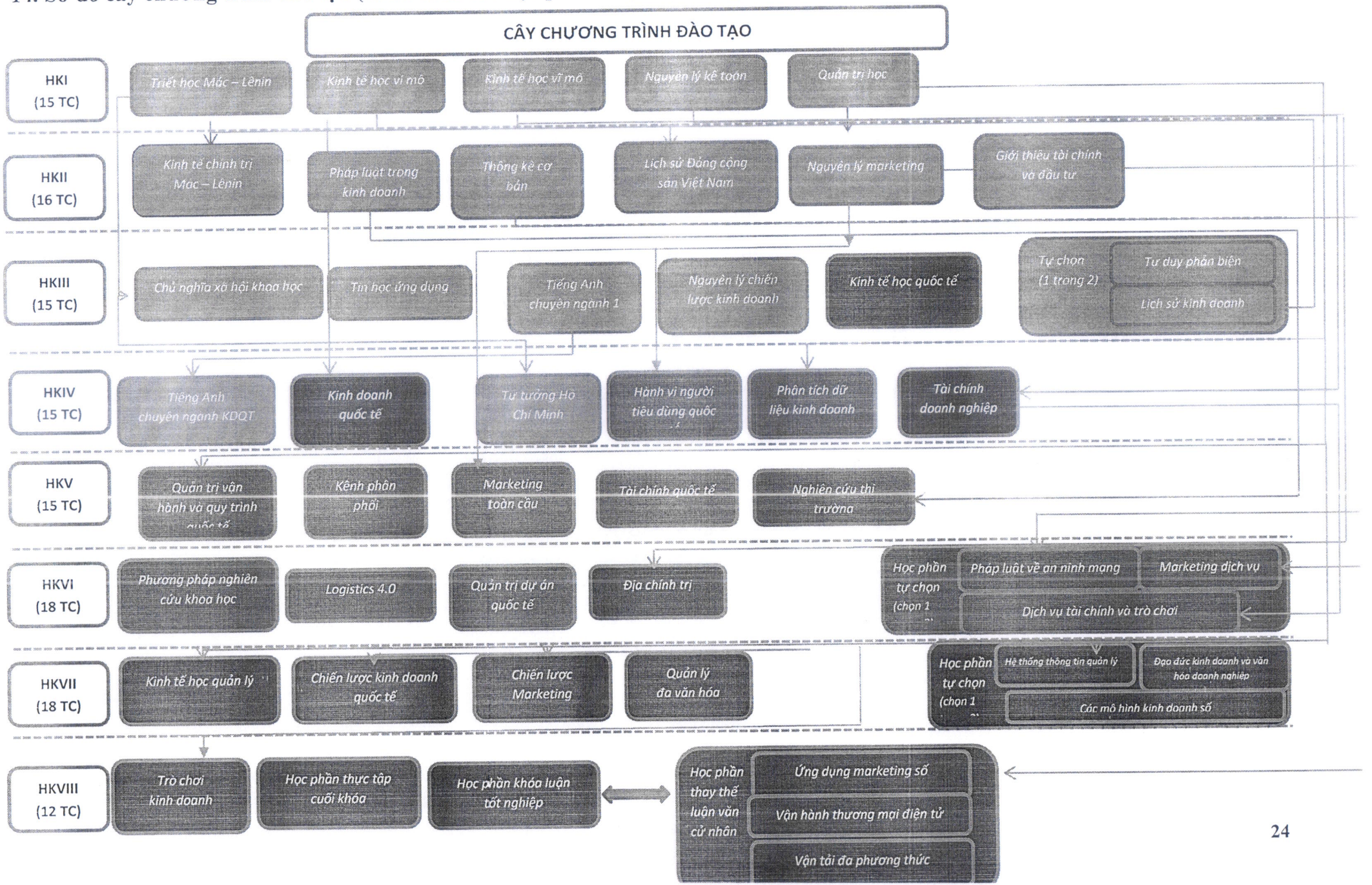

Chú thích

Kiến thức giáo dục đại cương	*Kiến thức cơ sở ngành*	*Kiến thức ngành/chuyên ngành*	*Kiến thức chuyên ngành*

15. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Bảng 15.1 : Ma trận phân bổ PLO

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG KHÁC												
	Học phần bắt buộc												
1	I	Triết học Mác – Lênin/ *Philosophy of Marxism and Leninism*	2			2	2						
2	II	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ *Political Economics of Marxism and Leninism*	2			2	2						
3	III	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ *Scientific socialism*	2			2	2						
4	II	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ *History of Vietnamese Communist Party*	2			2	2						
5	IV	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ *Ideologies of Ho Chi Minh*	2			2	2						
6	II	Thống kê cơ bản/ *Elementary Statistics*	3					3					
	KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH												
	Học phần bắt buộc												
1	I	Kinh tế học vi mô/*Microeconomics*	3	3		2							
2	I	Kinh tế học vĩ mô/*Macroeconomics*	3	3		2							

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
3	II	Nguyên lý kế toán/ *Principles of Accounting*	3		3			3					
4	II	Pháp luật trong kinh doanh/ *Law in Business*	2	2			3						
5	I	Quản trị học/ *Principles of Management*	2			3	3						
6	II	Giới thiệu về tài chính và đầu tư/ *Introduction to Finance and Investment*			4			4		4			
7	III	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ *Principles of Business Strategy*	3	4					4				
8	III	Tin học ứng dụng/ *Applied Informatics*							3			4	
9	III	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ *English for specific purposes*		3	3						3		
10	IV	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ *English for International Business*		4	4						4		
11	II	Nguyên lý Marketing/ *Principles of Marketing*	3						3	3			
12		***Học phần tự chọn*** (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)											
12a	III	Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*	2			2	3						
12b	III	Lịch sử kinh doanh/ *Business History*						4	4	4			

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
	KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH												
	Kiến thức ngành												
	Học phần bắt buộc												
1	VI	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ *Dissertation Research Methods*	3	4		4							
2	V	Tài chính quốc tế/ *International Finance*						4	4	4			
3	IV	Phân tích dữ liệu kinh doanh/ *Business data and analytics*		4				4	4				
4	IV	Hành vi người tiêu dùng quốc tế/ *International Consumer Behavior*						4	4	4			
5	VI	Logistics 4.0/ *Logistics 4.0*						4	4	4			
6	VI	Quản trị dự án quốc tế/ *International Project Management*			4			4	4				
7	V	Marketing toàn cầu/ *Global Management*	3	4				4					
8	VI	Nghiên cứu thị trường/ *Market research*		4		4			4				
9	V	Kênh phân phối/ *Distribution Channels*						4	4	4			

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
10	III	Kinh tế học quốc tế/ *International Economics*	3		3	4							
11	V	Quản trị vận hành và quy trình quốc tế / *International Operation and Process Management*				4			4	4			
12	**Học phần tự chọn** (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)												
12a	VII	Pháp luật về an ninh mạng/ *Cybersecurity Law*	2					3		3			
12b	VII	Marketing dịch vụ/ *Services Marketing*						4	4	4			
12c	VII	Dịch vụ tài chính và trò chơi/ *Financial and Gaming Services*						4	4	4			
	Kiến thức chuyên ngành												
	Học phần bắt buộc												
1	IV	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*		3				3					
2	VI	Địa chính trị/ *Geopolitics*						4	4	4			
3	IV	Quản lý đa văn hóa/ *Multicultural Management*						4	4	4			
4	VIII	Chiến lược kinh doanh quốc tế/ *Internaional Business Strategy*			4			4		4			

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
5	VIII	Kinh tế học quản lý/ *Managerial Economics*	3					4	4				
6	VII	Kinh doanh quốc tế/ *International Business*						4	4	4			
7	VII	Chiến lược Marketing/ *Strategic Marketing*			4			4		4			
8	VIII	Trò chơi kinh doanh/ *Business Game*						4	4	4			
9	**Học phần tự chọn bổ trợ ngành/ *Concentrations*** (*Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần chuyên sâu*)												
9a	VII	Hệ thống thông tin quản lý/ *Information Systems*	2					2		2			
9b	VII	Đạo đức kinh doanh & văn hóa DN/ *Business Ethics and Corporate Culture*	3			4	4						
9c	VII	Các mô hình kinh doanh số/ Digital Business Models			4			4	4				
10	**Học phần thay thế khóa luận/ *Alternative option for Dissertation***												
10a	VIII	Ứng dụng Marketing số/ *Digital Marketing Applications*							4	4			5
10b	VIII	Vận hành Thương mại điện tử/ *E-commerce Operations*				4				4			5
10c	VIII	Vận tải đa phương thức/ *Multimodal Transportation*							4	4			5

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)										
			PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11
11	VIII	**Thực tập cuối khóa ngành KDQT/** ***Internship in International Business***							4	4			4
12	VIII	**Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT/** ***Dissertation in International Business***				4		4	4	4			5
	Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp		**20**	**12**	**9**	**15**	**7**	**26**	**25**	**23**	**2**	**1**	**5**
	Mức 1		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Mức 2		9	0	0	7	5	1	0	1	0	0	0
	Mức 3		11	6	4	2	1	5	2	2	1	0	0
	Mức 4		0	6	5	6	1	20	23	20	1	1	0
	Mức 5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5
	Học phần đóng góp		20	12	9	15	7	26	25	23	2	1	5
	Học phần đánh giá PI		5	7	2	3	1	7	8	5	1	1	1
	Học phần đánh giá PLO		5	7	2	3	1	7	8	5	1	1	1

Bảng 15.2 : Ma trận phân bổ PLO – PI

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
1	I	Triết học Mác – Lênin/ Philosophy of Marxism and Leninism		2							2	2	2		2												
2	II	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/ Political Economics of Marxism and Leninism		2							2	2	2		2												
3	III	Tư tưởng Hồ Chí Minh/ Ideologies of Ho Chi Minh		2							2	2	2		2												
4	II	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/ History of Vietnamese communist party		2							2	2	2		2												
5	IV	Chủ nghĩa xã hội khoa học/ Scientific socialism		2							2	2	2		2												
6	II	Thống kê cơ bản/ *Elementary Statistics*		3												3											
		KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																									
		Học phần bắt buộc																									
1	I	Kinh tế học vi mô/*Microeconomics*			3		3				2																
2	I	Kinh tế học vĩ mô/*Macroeconomics*			3		3				2																
3	II	Nguyên lý kế toán/ *Principles of Accounting*		3	3				2							3											
4	II	Pháp luật trong kinh doanh/ *Law in Business*			2		2						3														

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
5	I	Quản trị học/ *Principles of Management*		2								3		3													
6	II	Giới thiệu về tài chính và đầu tư/ *Introduction to Finance and Investment*							4							4				4							
7	III	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ *Principles of Business Strategy*			3			4	4																		
8	III	Tin học ứng dụng/ *Applied Informatics*																	3					3	4		
9	III	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ *English for specific purposes*					3		3														3				
10	IV	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế/ *English for International Business*					4		4														4				
11	II	Nguyên lý Marketing/ *Principles of Marketing*		2															3	3							
12		***Học phần tự chọn*** (Sinh viên chọn 1 trong 2 học phần sau)																									
12a	III	Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*			2					2			3														
12b	III	Lịch sử kinh doanh/ *Business History*														4		4		4							

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		KHỐI KIẾN THỨC NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH																									
		Kiến thức ngành																									
		Học phần bắt buộc																									
1	VI	Phương pháp nghiên cứu khoa học/ *Dissertation Research Methods*		3	3		4				4																
2	V	Tài chính quốc tế/ *International Finance*														4	4	4	4	4							
3	IV	Phân tích dữ liệu kinh doanh/ *Business data and analytics*						4	4							4		4									
4	IV	*Hành vi người tiêu dùng quốc tế/ International Consumer Behavior*														4		4		4							
5	VI	*Logistics 4.0/ Logistics 4.0*															4	4		4							
6	VI	Quản trị dự án quốc tế/ *International Project Management*																									
7	V	Marketing toàn cầu/ *Global Management*		3			4	4									4										
8	VI	Nghiên cứu thị trường/ *Market research*						4	4				4														

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
9	V	Kênh phân phối/ *Distribution Channels*															4	4			4						
10	III	Kinh tế học quốc tế/ *International Economics*		3	3				4	4	4																
11	V	Quản trị vận hành và quy trình quốc tế / *International Operation and Process Management*										4							4	4							
12		**Học phần tự chọn** (Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần sau)																									
12a	VII	Pháp luật về an ninh mạng/ *Cybersecurity Law*		1	2	3														2	3	1					
12 b	VII	Marketing dịch vụ/ *Services Marketing*														4		4	4	4	4						
12c	VII	Dịch vụ tài chính và trò chơi/ *Financial and Gaming Services*														4		4	4	4	4						
		Kiến thức chuyên ngành																									
		Học phần bắt buộc																									
1	IV	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*						3								3											
2	VI	Địa chính trị/ *Geopolitics*														2			4	4							

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
3	IV	Quản lý đa văn hóa/ *Multicultural Management*														4	4	4	4	4							
4	VIII	Chiến lược kinh doanh quốc tế/ *Internaional Business Strategy*						4	4						4	4			4	4							
5	VIII	Kinh tế học quản lý/ *Managerial Economics*		3													4		4								
6	VII	Kinh doanh quốc tế/ *International Business*																4	4		4						
7	VII	Chiến lược Marketing/ *Strategic Marketing*								3							4	4			4						
8	VIII	Trò chơi kinh doanh/ *Business Game*															4	4	4	4	4						
9		**Học phần tự chọn bổ trợ ngành/ *Concentrations*** (*Sinh viên chọn 1 trong 3 học phần chuyên sâu*)																									
9a	VII	Hệ thống thông tin quản lý/ *Information Systems*		2	2											2				2	2						
9b	VII	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ *Business Ethics and Corporate Culture*		3									4	3	3												

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
9c	VII	Các mô hình kinh doanh số/ *Digital Business Models*								4						4		4									
10		**Học phần thay thế khóa luận/ *Alternative option for Dissertation***																									
10a	VIII	Ứng dụng Marketing số/ *Digital Marketing Applications*																4A	4A	4A	4A					5A	5A
10 b	VIII	Vận hành Thương mại điện tử/ *E-commerce Operations*											4						4							5	
10c	VIII	Vận tải đa phương thức/ *Multimodal Transportation*																4	4								5
11	VIII	**Thực tập cuối khóa ngành KDQT/ *Internship in International Business***																4A	4A	4A	4A					4A	
12	VIII	**Khóa luận tốt nghiệp ngành KDQT/ *Dissertation in International Business***										4A					4A	4A		4A						5A	5A
		Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp		17	8	1	7	7	9	4	9	8	8	2	7	16	10	18	16	18	9	1	2	1	1	3	3
		Mức 1		1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0

TT	Học kỳ	Tên học phần	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Mức 2		7	2	0	0	0	1	0	7	5	5	0	5	2	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0
		Mức 3		9	6	1	4	2	2	2	0	1	0	0	1	4	0	0	1	1	1	0	1	1	0	0	0
		Mức 4		0	0	0	3	5	6	2	2	2	3	2	1	10	10	17	15	15	7	0	1	0	1	0	0
		Mức 5		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3
		Học phần đóng góp		17	8	1	7	7	9	4	9	8	8	2	7	16	10	18	16	15	7	1	2	1	1	3	3
		Học phần đánh giá PI		3	4	0	4	3	3	0	3	0	0	0	1	2	4	6	7	4	1	0	1	1	1	2	2
		Học phần đánh giá PLO		3	4	0	4	3	3	0	3	0	0	0	1	2	4	6	7	4	1	0	1	1	1	2	2

Bảng 15.3: Ma trận phân bổ CLO – PI

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
					PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			CLOij	PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
1	1	Triết học Mác-Lênin	CLO1		2																							
			CLO2		2																							
			CLO3									2	2															
			CLO4											2		2												
		Tổng hợp hợp phần			2							2	2	2		2												
2	1	Nguyên lý kế toán	CLO1		3																							
			CLO2			3																						
			CLO3														3											
			CLO4							2																		
			CLO5														3											
		Tổng hợp hợp phần			3	3				2							3											
3	1	Quản trị học	CLO1		2																							
			CLO2		2																							
			CLO3		2																							
			CLO4										3		3													
			CLO5										3		3													
		Tổng hợp hợp phần			2								3		3													
4	1	Kinh tế học vi mô	CLO1		3A							2A																
			CLO2																									
			CLO3						3A																			
		Tổng hợp hợp phần			3				3			2																
5	1	Kinh tế học vĩ mô	CLO1			3A																						
			CLO2						3A																			
			CLO3									2A																

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)	CLOij	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PI	PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
					1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Tổng hợp hợp phần				3			3			2																
6	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CLO1		2																							
			CLO2		2																							
			CLO3									2	2															
			CLO4											2	2													
		Tổng hợp hợp phần			2							2	2	2	2													
7	2	Thống kê cơ bản	CLO1																									
			CLO2																									
			CLO3																									
		Tổng hợp hợp phần																										
8	2	Pháp luật trong kinh doanh	CLO1			2																						
			CLO2					2																				
			CLO3										3															
		Tổng hợp hợp phần					2		2				3															
9	2	Giới thiệu tài chính và đầu tư	CLO1							4																		
			CLO2														4											
			CLO3																		4							
		Tổng hợp hợp phần								4							4				4							
10	2	Đạo đức kinh doanh & văn hóa DN	CLO1		3																							
			CLO2		3																							
			CLO3											3														
			CLO4										4															
			CLO5												3													
		Tổng hợp hợp phần			3								4	3	3													
11	3		CLO1		2																							

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																								
					PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			CLOij	PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Chủ nghĩa xã hội khoa học/Scientific socialism	CLO2		2																							
			CLO3										2	2														
			CLO4												2	2												
		Tổng hợp hợp phần																										
12	3	Tin học ứng dụng/*Applied Informatics*	CLO1																	3								
			CLO2																	3								
			CLO3																							4		
			CLO4																							3		
		Tổng hợp hợp phần																		3						4		
13	3	Tiếng Anh chuyên ngành 1/ *English for specific purposes*	CLO1					3																				
			CLO2							3																		
			CLO3																					3				
		Tổng hợp hợp phần						3		3														3				
14	3	Nguyên lý chiến lược kinh doanh	CLO1			3A																						
			CLO2					4A	4A																			
			CLO3																4A									
		Tổng hợp hợp phần				3		4	4										4A									
15	3	Nguyên lý marketing	CLO1		2																							
			CLO2																3									
			CLO3																	3								
			CLO4																	3								
			CLO5																	3								
		Tổng hợp hợp phần			2														3	3								
16	3		CLO1			2																						

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																								
					PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			CLOij	PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Tư duy phản biện	CLO2										2															
			CLO3												3													
		Tổng hợp hợp phần				2							2		3													
17	3	Lịch sử kinh doanh	CLO1														4											
			CLO2																4									
			CLO3																		4							
		Tổng hợp hợp phần															4		4		4							
18	4	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế	CLO1					4																				
			CLO2							4																		
			CLO3																					4				
		Tổng hợp hợp phần 1						4		4														4				
19	4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	CLO1		2																							
			CLO2		2																							
			CLO3									2	2															
			CLO4											2	2													
		Tổng hợp hợp phần			2							2	2	2	2													
20	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CLO1		2																							
			CLO2		2																							
			CLO3									2	2															
			CLO4											2	2													
		Tổng hợp hợp phần			2							2	2	2	2													
21	4	Hành vi người tiêu dùng quốc tế	CLO1															3										
			CLO2																3									
			CLO3																			3						
		Tổng hợp hợp phần																3	3			3						

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)	CLOij	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																								
				PI	PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
					1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
22	4	Phân tích dữ liệu kinh doanh	CLO1					4A	4A																			
			CLO2														4A											
			CLO3																4A									
		Tổng hợp hợp phần						4	4								4		4									
23	4	Tài chính doanh nghiệp	CLO1						2																			
			CLO2														3											
			CLO3														3											
			CLO4														3											
			CLO5						3																			
		Tổng hợp hợp phần							3								3											
24	5	Quản trị vận hành và quy trình quốc tế	CLO1									4																
			CLO2																4	4								
			CLO3																			4						
		Tổng hợp hợp phần										4							4	4		4						
25	5	Kênh phân phối	CLO1															4										
			CLO2																4									
			CLO3																			4						
		Tổng hợp hợp phần																4	4			4						
26	5	Marketing toàn cầu	CLO1		3A																							
			CLO2					4A	4A																			
			CLO3															4A										
		Tổng hợp hợp phần			3			4	4									4										
27	5	Tài chính quốc tế	CLO1														4A	4A										
			CLO2																4A	4A								
			CLO3																		4A							

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)	CLOij	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
				PI	PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
					1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Tổng hợp hợp phần															4	4	4	4	4							
28	5	Nghiên cứu thị trường	CLO1					4	4																			
			CLO2										4															
			CLO3																4									
		Tổng hợp hợp phần						4	4				4						4									
29	6	Phương pháp nghiên cứu khoa học	CLO1		3A	3A																						
			CLO2					4A																				
			CLO3									4A																
		Tổng hợp hợp phần			3	3		4				4																
30	6	Kinh tế học quốc tế	CLO1		3	3																						
			CLO2							4	4																	
			CLO3									4																
		Tổng hợp hợp phần			3	3				4	4	4																
31	6	Quản trị dự án quốc tế	CLO1							4A	4A																	
			CLO2														4A	4A										
			CLO3																4A									
		Tổng hợp hợp phần								4	4						4	4	4									
32	6	Địa chính trị	CLO1														2											
			CLO2																	4								
			CLO3																		4							
		Tổng hợp hợp phần															2			4	4							
33	6	Kinh doanh quốc tế	CLO1															4										
			CLO2																4									
			CLO3																			4						
		Tổng hợp hợp phần																4	4			4						
34	6		CLO1			2															2							

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
					PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			CLOij	PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Pháp luật về an ninh mạng	CLO2		1																	3						
			CLO3				3																1					
		Tổng hợp hợp phần			1	2	3														2	3	1					
35	6	Marketing dịch vụ	CLO1														4											
			CLO2																4	4								
			CLO3																		4	4						
		Tổng hợp hợp phần															4		4	4	4	4						
36	6	Dịch vụ tài chính và trò chơi	CLO1														4											
			CLO2																4	4								
			CLO3																		4	4						
		Tổng hợp hợp phần															4		4	4	4	4						
37	7	Quản lý đa văn hóa	CLO1														4	4										
			CLO2																4	4								
			CLO3																		4							
		Tổng hợp hợp phần															4	4	4	4	4							
38	7	Chiến lược Marketing	CLO1							3																		
			CLO2														4	4										
			CLO3																			4						
		Tổng hợp hợp phần								3							4	4				4						
39	7	Trò chơi kinh doanh	CLO1														4	4										
			CLO2																4	4								
			CLO3																		4	4						
		Tổng hợp hợp phần															4	4	4	4	4	4						
40	7	Kinh tế học quản lý	CLO1		3																							
			CLO2															4										
			CLO3																	4								

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)	CLOij	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																								
				PI	PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
					1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Tổng hợp hợp phần			3													4		4								
41	7	Các mô hình kinh doanh số	CLO1								4																	
			CLO2														4											
			CLO3																4									
		Tổng hợp hợp phần									4						4		4									
42	7	Hệ thống thông tin quản lý	CLO1		2	2																						
			CLO2		2	2																						
			CLO3														2											
			CLO4																		2	2						
		Tổng hợp hợp phần			2	2											2				2	2						
43	7	Logistics 4.0	CLO1															4			4							
			CLO2																4		4							
			CLO3															4										
		Tổng hợp hợp phần																4	4		4							
44	7	Chiến lược Kinh doanh quốc tế	CLO1							4	4																	
			CLO2														4	4										
			CLO3																		4	4						
		Tổng hợp hợp phần								4	4						4	4			4	4						
45	8	Học phần thực tập cuối khóa	CLO1																4A	4A								
			CLO2																		4A	4A						
			CLO3																								4A	
		Tổng hợp hợp phần																	4A	4A	4A	4A					4A	
46	8	Học phần khóa luận tốt nghiệp	CLO1															4A										
			CLO2																4A									
			CLO3																								5A	5A
			CLO4										4A															

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																								
					PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			CLOij	PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
			CLO5																		4A							
		Tổng hợp hợp phần											4A						4A		4A						5A	5A
47	8	Ứng dụng Marketing số	CLO1																		4A	4A						
			CLO2																4A	4A								
			CLO3																								5A	5A
		Tổng hợp hợp phần																	4	4	4	4					5	5
48	8	Vận hành Thương mại điện tử	CLO1										4															
			CLO2																		4							
			CLO3																								5	
		Tổng hợp hợp phần											4								4						5	
49	8	Vận tải đa phương thức	CLO1																									5
			CLO2																		4							
			CLO3																	4								
		Tổng hợp hợp phần																		4	4							5
Tổng số lượng học phần theo các mức độ đóng góp					17	8	1	7	7	9	4	9	8	8	2	7	16	10	18	16	18	9	1	2	1	1	3	3
		Mức 1			1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0
		Mức 2			7	2	0	0	0	1	0	7	5	5	0	5	2	0	1	0	2	1	0	0	0	0	0	0
		Mức 3			9	6	1	4	2	2	2	0	1	0	0	1	4	0	0	1	1	1	0	1	1	0	0	0
		Mức 4			0	0	0	3	5	6	2	2	2	3	2	1	10	10	17	15	15	7	0	1	0	1	0	0
		Mức 5			0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3
		Học phần đóng góp			17	8	1	7	7	9	4	9	8	8	2	7	16	10	18	16	15	7	1	2	1	1	3	3
		Học phần đánh giá PI			3	4	0	4	3	3	0	3	0	0	0	1	2	4	6	7	4	1	0	1	1	1	2	2

TT	Học kỳ	Tên học phần (HPi)		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)																							
					PLO1			PLO2		PLO3		PLO4		PLO5			PLO6		PLO7		PLO8			PLO9	PLO10		PLO11	
			CLOij	PI	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	5.1	5.2	5.3	6.1	6.2	7.1	7.2	8.1	8.2	8.3		10.1	10.2	11.1	11.2
		Học phần đánh giá PLO			3	4	0	4	3	3	0	3	0	0	0	1	2	4	6	7	4	1	0	1	1	1	2	2

16. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
1	MLM306	Triết học Mác – Lênin/*Philosophy of Marxism and Leninism*	Triết học Mác – Lênin là môn học cơ bản, cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Môn học giúp người học xác định đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Môn học góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hoá và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi người học tốt nghiệp.
2	MLM307	Kinh tế chính trị Mác - Lênin/*Political Economics of Marxism and Leninism*	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là môn khoa học kinh tế, là một bộ phận cấu thành của khoa học Mác – Lênin. Nó nghiên cứu các quan hệ xã hội của con người trong quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra các quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội.
3	MLM308	Chủ nghĩa xã hội khoa học/*Scientific socialism*	Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	MLM309	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam/*History of Vietnamese communist party*	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học cơ bản, bao gồm 4 chương, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng; quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng trong các giai đoạn; thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng, nhằm giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
5	MLM303	Tư tưởng Hồ Chí Minh/*Ideologies of Ho Chi Minh*	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học cơ bản, bao gồm 6 chương, cung cấp các kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam, giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.
6	AMA701	Thống kê cơ bản/*Elementary Statistics*	Môn học trang bị cho sinh viên nền tảng căn bản và các công cụ xác suất thống kê để tiếp cận với khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Giúp sinh viên bước đầu vận dụng kiến thức môn học trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, quản trị và hệ thống thông tin quản lý.
7	MES302	Kinh tế học vi mô/ *Microeconomics*	Kinh tế học vi mô là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến các mục tiêu : (i) Cung cấp kiến thức nền tảng về kinh tế học nói chung và kinh tế học vi mô nói riêng ; (ii) Thực hành một số kỹ năng cần thiết như : Kỹ năng đọc, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản gồm : Mười nguyên lý kinh tế học ; các lý thuyết về cung – cầu ; các cấu trúc thị trường; lý thuyết hành vi của người tiêu dùng và của doanh nghiệp
8	MES303	Kinh tế học vĩ mô/ *Macroeconomics*	Kinh tế học vĩ mô là môn học bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở khối ngành. Môn học nhằm hướng đến mục tiêu trang bị cho sinh viên: (i) hiểu biết về các khái niệm kinh tế vĩ mô cơ bản, cách thức đo lường các chỉ tiêu của nền kinh tế vĩ mô và mối quan hệ giữa chúng; (ii) hiểu biết về các chính sách của chính phủ trong điều hành kinh tế vĩ mô. Để đạt được các mục tiêu trên, môn học gồm 8 chương, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: tổng quan về kinh tế học vĩ mô, dữ liệu kinh tế vĩ mô, sản xuất và tăng trưởng, hệ thống tiền tệ, tổng cầu và

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			tổng cung, chính sách tiền tệ và chính sách tài khoá, lạm phát và thất nghiệp, kinh tế học vĩ mô của nền kinh tế mở.
9	ACC301	Nguyên lý kế toán / *Principles of Accounting*	Nguyên lý kế toán là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở. Môn học sẽ cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán bao gồm: khái niệm, đối tượng, vai trò, các nguyên tắc và hệ thống các phương pháp của kế toán. Đồng thời vận dụng các kiến thức đó để thực hiện quy trình kế toán các nghiệp vụ kinh tế trong doanh nghiệp. Ngoài ra môn học cũng giới thiệu tổ chức công tác kế toán, các hình thức kế toán, hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp.
10	LAW724	Pháp luật trong kinh doanh / *Law in Business*	Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về pháp luật và các cơ sở pháp lý cho hoạt động kinh doanh. Học viên nắm bắt được kiến thức, nhận thức được các quy định pháp luật liên quan và kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý trong kinh doanh.
11	MAG322	Quản trị học/ *Principles of Management*	Môn học được xây dựng tạo nền tảng về công việc quản trị trong tổ chức. Đây là học phần kiến thức cơ sở khối ngành kinh tế. Nội dung tập trung giới thiệu cơ bản về các khái niệm và thực tiễn quản trị trong các tổ chức. Các chủ đề môn học bao gồm một số cách tiếp cận đến các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Các xu hướng về lý thuyết và chức năng quản lý cũng được đánh giá, cũng như nghiên cứu quản lý và ứng dụng vào thực tiễn quản lý và các khía cạnh có trách nhiệm, đạo đức và toàn cầu trong thực tiễn kinh doanh hiện tại.
12	INB716	Giới thiệu tài chính và đầu tư/ *Introduction to Finance and Investment*	Môn học được xây dựng trên cơ sở giới thiệu tài chính và đầu tư. Môn học trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến tài chính và đầu tư. Phần đầu nội dung môn học đề cập đến môi trường tài chính, hệ thống tiền tệ và các định chế tài chính. Phần II giới thiệu về đầu tư và các công cụ tài chính. Phần III sẽ tập trung vào quản trị tài chính, trong đó dữ liệu tài chính và phân tích báo cáo tài chính sẽ được làm rõ.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
13	INB717	Nguyên lý chiến lược kinh doanh/ *Principles of Business Strategy*	Môn học cung cấp sinh viên kiến thức chủ yếu về chiến lược và quản trị chiến lược. Nội dung chính gồm: phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm soát chiến lược.
14	ITS301	Tin học ứng dụng/ Applied Informatics	Môn học rất cần thiết, trang bị một số kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên khối ngành kinh tế - quản trị - quản lý của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM sử dụng tốt máy tính phục vụ cho học tập, nghiên cứu và làm việc của mình. Sau khi học xong môn học, sinh viên nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản, sử dụng được các phần mềm MS Word, MS Excel, SPSS, và các phần mềm khác để soạn thảo các văn bản chất lượng cao, lập được các bảng tính phức tạp, giải được một số bài toán trong phân tích tài chính, phân tích kinh doanh, phân tích dữ liệu và quản lý dự án, phục vụ trực tiếp cho học tập, nghiên cứu và làm việc sau này
15	ENL701	Tiếng Anh chuyên ngành 1 / English for specific purposes	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, thuật ngữ, khái niệm sử dụng trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh, quản lý, thương mại; các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh. Môn học tạo điều kiện cho sinh viên tự tin phát huy kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường hội nhập quốc tế.
16	ENP718	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế / English for International Business	Môn học được thiết kế nhằm cung cấp từ vựng, thuật ngữ, các khái niệm trong ngữ cảnh kinh tế quốc tế và các cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh. Môn học cung cấp các bài đọc có độ dài vừa phải được trích từ các bài báo chuyên ngành với nội dung và thể loại đa dạng tạo điều kiện cho sinh viên tự tin phát huy kỹ năng sử dụng ngôn ngữ Anh trong môi trường hội nhập quốc tế.
17	MKE308	Nguyên lý Marketing/ Principles of Marketing	Môn học được xây dựng trên cơ sở các nguyên lý cơ bản của marketing. Đây là học phần thuộc kiến thức cơ sở ngành kinh tế. Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, khả năng nhận biết, hiểu và bước đầu áp dụng được những nội dung marketing cơ bản vào hoạt động kinh doanh

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			của các doanh nghiệp. Người học cũng được giới thiệu những kiến thức cơ bản liên quan đến việc thu thập thông tin về thị trường, hiểu được hành vi của khách hàng, thực hiện được hoạt động phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và biết cách triển khai bộ công cụ marketing để phục vụ nhu cầu của khách hàng mục tiêu, đồng thời mang lại lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp
18	MAG709	Tư duy phản biện/ *Critical Thinking*	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức kỹ năng về khái niệm, nguyên lý và quy tắc nền tảng. Đồng thời, hướng dẫn cách thức vận dụng tư duy phản biện này vào trong thực tiễn một cách linh hoạt, sáng tạo nhằm nhận diện và giải quyết vấn đề hiệu quả.
19	INB718	Lịch sử kinh doanh/ *Business History*	Môn học giúp người học nhận thức đầy đủ về lịch sử kinh doanh, hoạt động kinh doanh đã hình thành như thế nào bởi các thế lực xã hội và chính trị khác nhau, nâng cao khả năng đọc và tư duy phản biện, phát triển kỹ năng phân tích, học cách tổ chức và trình bày những suy nghĩ và nghiên cứu của họ dưới dạng các bài tiểu luận học thuật. Môn học sẽ khám phá sự tương tác giữa tư nhân giới kinh doanh và thế giới chính trị đại chúng trong mối quan hệ phụ lẫn nhau, và phân tích sự hình thành các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh toàn cầu hoá ngày nay
20	INE704	Phương pháp nghiên cứu khoa học/*Scientific Research Methodology*	Phương pháp nghiên cứu khoa học là môn học bắt buộc thuộc nhóm môn học kiến thức cơ sở khối ngành được xây dựng để cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương pháp tiến hành hoạt động nghiên cứu một cách có hệ thống và mang tính khoa học. Cụ thể, môn học sẽ giới thiệu cơ bản về vấn đề nghiên cứu, vai trò của nghiên cứu, cách thức xác định vấn đề nghiên cứu, thực hiện lược khảo tài liệu và các nghiên cứu trước có liên quan; đặt câu hỏi nghiên cứu; đạo đức trong nghiên cứu, cách trích dẫn và trình bày tài liệu tham khảo; thu thập số liệu và chọn mẫu; cách trình bày dữ liệu và lựa chọn thiết kế nghiên

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			cứu với các dạng dữ liệu; cách viết đề cương và báo cáo nghiên cứu.
21	INE307	Tài chính quốc tế /*International Finance*	Tài chính quốc tế cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng và kỹ năng nghiên cứu cơ bản về lĩnh vực tài chính quốc tế theo hướng tiếp cận phân tích kinh tế và ứng dụng của tài chính quốc tế trong hoạt động kinh doanh ngày nay. Cấu trúc môn học gồm 3 phần chính. Phần I bao gồm các cơ sở lý thuyết nền tảng của tài chính quốc tế. Phần II khảo sát khung cảnh và cấu trúc môi trường tiền tệ và tài chính toàn cầu. Phần III sẽ chú trọng đến thực hành tài chính quốc tế trong kinh doanh toàn cầu, trong đó hoạt động tài chính của doanh nghiệp quốc tế và quản trị rủi ro tỷ giá sẽ được làm rõ.
22	INB704	Phân tích dữ liệu kinh doanh/ *Business data and analytics*	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về toán và thống kê trong hoạt động kinh doanh. Bằng cách cung cấp hệ thống các phương pháp phân tích dữ liệu đã thu thập thành các thông tin hữu ích làm cơ sở cho việc ra các quyết định trong kinh doanh (gồm thống kê mô tả, thống kê suy diễn, phân tích chỉ số thống kê, dự báo các mức độ của hiện tượng trong tương lai), môn học nhằm nâng cao khả năng phân tích các vấn đề về kinh doanh của sinh viên trong nhiều tình huống khác nhau. Sau khi học xong môn học, sinh viên không chỉ nắm vững lý thuyết mà còn có khả năng sử dụng phần mềm như Excel, SPSS cũng như kỹ năng trình bày báo cáo kết quả phân tích.
23	INB701	Hành vi người tiêu dùng quốc tế/ *International Consumer Behavior*	Môn học đem lại cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng về phân tích hành vi của người tiêu dùng nói chung, đặc biệt hướng đến đối tượng người tiêu dùng trên phạm vi quốc tế. Nội dung của môn học bao gồm việc phân tích các vấn đề tổng quan về hành vi của người tiêu dùng, các đặc điểm về động lực tiêu dùng, tính cách, nhận thức, các kênh giao tiếp với người tiêu dùng, và các vấn đề liên quan đến văn hóa khi kinh doanh trên phạm vi quốc tế. Cùng với các lý thuyết cơ bản về hành vi

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			của người tiêu dùng như lý thuyết về nhu cầu, lý thuyết về nhận thức, lý thuyết về xu hướng văn hóa…, sinh viên cũng được trang bị các kỹ năng liên quan đến việc xây dựng, thực hiện và đánh giá các chiến lược giao tiếp với người tiêu dùng.
24	MAG302	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp/ *Business Ethics and Corporate Culture*	Môn học bổ trợ kiến thức cho sinh viên những hiểu biết về (i) vấn đề đạo đức trong các lĩnh vực kinh tế như khái niệm, vai trò, sự cần thiết về chuẩn mực, và cách thức xây dựng đạo đức kinh doanh trong môi trường kinh doanh hiện nay; (ii) vấn đề văn hóa doanh nghiệp như khái niệm, sự cần thiết, các nhân tố hình thành, mô hình và kỹ năng cần thiết để xây dựng, duy trì và thay đổi văn hóa doanh nghiệp.
25	INE309	Quản trị dự án quốc tế/ *International Project Management*	Môn học trang bị kiến thức, kỹ năng thực hành trong lĩnh vực quản lý các dự án quốc tế, các chương trình quốc tế, đặc biệt chú trọng các dự án và chương trình đầu tư/ kinh doanh đa quốc gia của các tổ chức và doanh nghiệp. Các chủ đề chính bao quát khung kiến thức căn bản về đặc trưng dự án quốc tế, vị trí và mối quan hệ của dự án trong chiến lược quốc tế tổng thể của tổ chức, quy trình quản lý và nội dung các giai đoạn trong quản lý dự án quốc tế, và khảo sát tình huống một số dạng dự án quốc tế tiêu biểu.
26	INB703	Marketing toàn cầu/ *Global Marketing*	Môn học này trình bày các khái niệm và công cụ khác nhau để phân tích chiến lược marketing và đánh giá thị trường (đối thủ cạnh tranh, bên ngoài môi trường: văn hóa, kinh tế, công nghệ, chính trị / luật pháp, cơ hội marketing). Cụ thể, trọng tâm sẽ là phát triển, đánh giá và thực hiện chiến lược tiếp thị quốc tế ở cấp công ty, khu vực và địa phương. Bằng việc học về cả lý thuyết và thực hành, sinh viên sẽ có được một khái niệm tốt hiểu biết về lĩnh vực marketing quốc tế cũng như trở nên vững chắc trong thực tế của thị trường toàn cầu.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
27	INB719	Nghiên cứu thị trường/ *Market research*	Môn nghiên cứu thị trường là môn học nhằm xem xét các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật áp dụng để giải quyết vấn đề ở thị trường hiện tại hoặc tiềm năng. Thông qua học phần này, sinh viên sẽ hiểu được cách xác định vấn đề nghiên cứu từ triệu chứng mà doanh nghiệp đang phải đối mặt, xây dựng các mục tiêu nghiên cứu dựa trên vấn đề được chuẩn đoán, chuẩn bị một đề xuất nghiên cứu thị trường, thu thập dữ liệu khảo sát, phân tích thống kê và trình bày một báo cáo chuyên nghiệp.
28	INB720	Kênh phân phối/ *Distribution Channels*	Môn học giúp người học nhận thức đầy đủ về lịch sử phát triển, bản chất, đặc điểm của kênh phân phối trong việc thực hành kinh doanh quốc tế hiện nay. Phần đầu nội dung môn học bao quát môi trường và cấu trúc của kênh phân phối ở cấp độ quốc gia lẫn quốc tế. Môn học cũng nhấn mạnh về các chiến lược và cách thiết kế kênh phân phối cũng như các xu thế công nghệ đang được áp dụng trong phát triển kênh phân phối hiện nay.
29	INE302	Kinh tế học quốc tế/ *International Economics*	Môn học nghiên cứu mối quan hệ kinh tế giữa các quốc gia thông qua việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ và sự di chuyển các nguồn lực kinh tế (lao động, vốn). Môn học cung cấp hệ thống các học thuyết kinh tế quốc tế, các công cụ chính sách thương mại quốc tế và những phân tích cơ bản về cán cân thanh toán quốc tế và tỷ giá hối đoái.
30	INB721	Quản trị vận hành và quy trình quốc tế / *International Operation and Process Management*	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản để quản trị vận hành một hệ thống sản xuất trên cơ sở quan điểm hiện đại tại doanh nghiệp. Giúp cho sinh viên có được những nhận thức căn bản để phối hợp các phương pháp và các công cụ kỹ thuật nhằm đảm bảo được năng suất và hiệu quả trong quá trình vận hành. Nội dung môn học bao gồm việc đề cập đến kỹ năng, cách thức dự báo, điều phối, các quyết định liên quan đến quá trình sản xuất để nhà quản trị điều hành tốt trong môi trường sản xuất và cung cấp dịch vụ tại doanh nghiệp trong tương lai.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
31	FIN303	Tài chính doanh nghiệp/ *Corporate Finance*	Tài chính doanh nghiệp là môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên lý tài chính doanh nghiệp. Nội dung môn học bao gồm tổng quan về tài chính doanh nghiệp, giá trị của tiền theo thời gian, lợi nhuận và rủi ro, chi phí vốn, hệ thống đòn bẩy, và các lý thuyết về cơ cấu vốn. Ngoài ra, sinh viên còn được hướng dẫn sử dụng các phương tiện hỗ trợ xử lý số liệu như máy tính và phần mềm excel trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp.
32	INB722	Địa chính trị/ *Geopolitics*	Môn học trang bị kiến thức về các khái niệm và lý thuyết về địa chính trị và ứng dụng của chúng đối với các sự kiện và vấn đề hiện tại. Môn học cung cấp cho người học hiểu biết về các mối quan hệ giữa địa lý, quyền lực và quan hệ quốc tế. Đồng thời giúp người học khả năng phân tích và đánh giá các động lực địa chính trị của các khu vực khác nhau trên thế giới bao gồm cả bối cảnh lịch sử và văn hoá của chúng. Thông qua môn học, sinh viên có hiểu biết rộng về vai trò của địa chính trị trong việc hình thành các mối quan hệ quốc tế, cũng như kỹ năng phân tích và tham gia vào bối cảnh địa chính trị phức tạp và luôn thay đổi ngày nay
33	INE306	Quản lý đa văn hóa/ *Multicultural Management*	Quản lý đa văn hóa trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về đa dạng văn hóa để có thể đối mặt với những thách thức trong việc quản lý trong môi trường đa văn hóa. Phần đầu nội dung môn học tập trung về những phương pháp tiếp cận liên văn hóa trong quản trị. Phần sau của môn học nhấn mạnh về sự khác biệt trong văn hóa và ảnh hưởng của nó trong kinh doanh quốc tế, đồng thời đề xuất các chiến lược quản trị thực tiễn trong bối cảnh đa văn hóa.
34	MES308	Hệ thống thông tin quản lý/ *Information Systems*	Môn học cung cấp kiến thức về các hệ thống thông tin cần thiết phục vụ cho quá trình quản lý và ứng dụng của chúng trong các tổ chức các doanh nghiệp. Môn học trình bày các công cụ hoạch định, tổ chức và phát triển các hệ thống thông tin phù hợp với tổ chức doanh nghiệp nhằm nâng cao

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			hiệu quả hoạt động, tăng lợi thế cạnh tranh cho tổ chức.
35	INE713	Các mô hình kinh doanh số / *Digital Business Models*	Sự phát triển của internet đã thúc đẩy sự bùng nổ của các mô hình kinh doanh số, làm thay đổi đáng kể chiến lược và cách thức quản trị công ty. Một mặt, môn học này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các mô hình kinh doanh số trong thời kỳ 4.0, cụ thể là các mô hình kinh doanh số B2C, B2B, C2C, ... Ngoài ra, học phần này còn cung cấp cho người học kiến thức mở rộng về các mô hình kinh doanh số như sự khác biệt và tương đồng giữa các mô hình kinh doanh truyền thống và các mô hình kinh doanh số; xu hướng vận động của các mô hình kinh doanh số.
36	INB723	Kinh doanh quốc tế/ *International Business*	Kinh doanh Quốc tế là môn thuộc trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về đặc điểm của môi trường kinh doanh quốc tế, về cơ sở phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh phù hợp trong nền kinh tế toàn cầu sôi động hiện nay. Phần đầu nội dung môn học bao quát các chủ đề về bản chất và đặc trưng của môi trường kinh doanh ở cấp độ quốc gia lẫn quốc tế, như môi trường kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, thương mại, đầu tư, tiền tệ. Phần II nhấn mạnh về cơ sở phân tích và lựa chọn chiến lược kinh doanh quốc tế và phương thức thâm nhập thị trường nước ngoài của doanh nghiệp.
37	INB724	Chiến lược Marketing/ *Strategic Marketing*	Môn học này hệ thống các lý thuyết cũng như những ví dụ thực tiễn, sinh động về chiến lược Marketing của các công ty trên toàn cầu. Qua đó trang bị các kiến thức cơ bản về tổ chức hoạch định và triển khai chiến lược marketing của doanh nghiệp trên nhiều bình diện, từ cấp độ chiến lược toàn cầu của tổng công ty đến các đơn vị kinh doanh cấp quốc gia. Đồng thời, môn học còn cung cấp cho người học những công cụ phân tích và xây dựng một chiến lược Marketing hiệu quả và toàn diện

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
38	INB725	Trò chơi kinh doanh/ *Business Game*	Học phần này cung cấp nền tảng kinh doanh để sinh viên nghiên cứu về hoạt động tổng thể của các loại hình tổ chức khác nhau. Một báo cáo ngắn gọn về lập kế hoạch chiến lược bao gồm phát triển tuyên bố sứ mệnh, phân tích môi trường bên ngoài và các yếu tố tổ chức bên trong doanh nghiệp, xây dựng, lựa chọn, và thực hiện các chiến lược thay thế phù hợp nhằm cạnh tranh trong một môi trường kinh doanh quốc tế. Phương pháp mô phỏng kinh doanh sẽ được sử dụng để cung cấp kinh nghiệm thực tế trong phân tích và ra quyết định về giải pháp cho các vấn đề kinh doanh quốc tế.
39	MES308	Kinh tế học quản lý/ *Managerial Economics*	Môn học này nghiên cứu cách vận dụng các lý thuyết kinh tế vào thực tiễn quản lý để phân tích và ra quyết định, giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu trong điều kiện khan hiếm về nguh tế học quản lý là môn học tự chọn, thuộc khối kiến thức chuyên ngành định hướng thực hành và phân tích ứng dụng. Môn học này nghiên cứu cách vận dụng lý thuyết về việc ra quyết định của doanh nghiệp về sản lượng và giá bán trước các đối thủ cạnh tranh trong các cấu trúc thị trường: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm…đồng thời hỗ trợ các chiến lược, chiến thuật đặc biệt cho các doanh nghiệp thông qua lý thuyết trò chơi.
40	INB726	Logistics 4.0/ *Logistics 4.0*	Logistics 4.0 trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về xu thế chuyển đổi số diễn ra trong hoạt động logistics trong việc thực hành kinh doanh quốc tế hiện nay. Phần đầu nội dung môn học bao quát các chủ đề về bản chất và đặc trưng của của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 trong ngành logistics ở cấp độ quốc gia lẫn quốc tế. Môn học cũng nhấn mạnh về các xu thế công nghệ đang được áp dụng trong các logistics 4.0 hiện nay, những lợi ích cũng như khó khăn trong việc ứng dụng các công nghệ này vào hoạt động logistics

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
41	INE310	Chiến lược kinh doanh quốc tế/ *Internaional Business Strategy*	Môn học này hệ thống các lý thuyết cũng như thực tiễn về chiến lược kinh doanh của các công ty đa quốc gia. Qua đó trang bị các kiến thức cơ bản về tổ chức hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp quốc tế, từ cấp độ chiến lược toàn cầu của tổng công ty đến các đơn vị kinh doanh cấp quốc gia. Đồng thời, giúp sinh viên tiếp cận chiến lược trong phân tích các chức năng hoạt động kinh doanh quốc tế, từ thiết kế sản phẩm, quản trị nguồn nhân lực, đến quản lý sản xuất, quản lý tài chính, thuế và kế toán của doanh nghiệp đa quốc gia
42	LAW723	Pháp luật về an ninh mạng/ *Cybersecurity Law*	Môn học cung cấp kiến thức pháp luật về mạng, an toàn thông tin, an ninh mạng; Pháp luật về quản lý nhà nước về mạng và an ninh mạng. Học viên nắm bắt được kiến thức, nhận thức được các quy định pháp luật liên quan và kỹ năng giải quyết các vấn đề pháp lý trong môi trường mạng và an ninh mạng.
43	MKE303	Marketing dịch vụ/ *Services Marketing*	Môn học Marketing dịch vụ trang bị cho học viên kiến thức liên quan đến marketing dịch vụ và hướng giải quyết những vấn đề liên quan đến dịch vụ khách hàng. Bên cạnh những kiến thức thú vị về marketing dịch vụ, người học còn được tiếp cận với những tình huống kinh doanh thực tế đa dạng của các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực từ y tế, giáo dục, tài chính, thông tin, lữ hành, du lịch, bán buôn, bán lẻ đến dịch vụ công và các loại hình khác. Phần I của môn học khái quát kiến thức tổng quan về marketing dịch vụ và chiến lược trong marketing dịch vụ. Phần II hướng đến những phương pháp đánh giá hiệu quả chiến lược marketing dịch vụ
44	INB730	Dịch vụ tài chính và trò chơi/ *Financial and Gaming Services*	Môn học trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học tìm hiểu về quản lý tài chính, chiến lược đầu tư, thị trường tài chính, phân tích tài chính. Ngoài ra, môn học còn giúp sinh viên có thể tìm hiểu về thiết kế trò chơi, phát triển trò chơi, công cụ trò chơi. Sinh viên cũng có thể nghiên cứu

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			các chủ đề như lý thuyết trò chơi, thực tế áo…thông qua một số app. Môn học là sự giao thoa giữa tài chính và trò chơi giúp sinh viên sử dụng trong phân tích tài chính và đầu tư.
45	INB728	Vận hành Thương mại điện tử/ *E-commerce Operations*	Môn học cung cấp kiến thức về thương mại điện tử bao gồm mô hình kinh doanh, cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các phương thức tiếp thị điện tử, thanh toán điện tử và bảo mật, môi trường pháp lý, xã hội và đạo đức trong thương mại điện tử.
46	INB727	Ứng dụng Marketing số/ *Digital Marketing Applications*	Môn học được thiết kế để cung cấp sinh viên sự hiểu biết thấu đáo về lý thuyết và thực tiễn về Marketing trên môi trường kỹ thuật số, giúp SV nắm bắt được sự đổi mới trong vận dụng các phương tiện kỹ thuật số trong hoạt động Marketing của doanh nghiệp. Nội dung chính tập trung vào phân tích hoạt động truyền thông Marketing với các công cụ truyền thông mới như: marketing qua các công cụ tìm kiếm, qua mạng xã hội, email marketing, mobile marketing, PR trực tuyến.
47	INB729	Vận tải đa phương thức/ *Multimodal Transportation*	Vận tải đa phương thức là môn thuộc khối kiến thức bổ trợ ngành, trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết giúp người học nhận thức đầy đủ về đặc điểm của loại hình vận tải đa phương thức, về cơ sở phân tích và lựa chọn chiến lược vận tải phù hợp trong việc thực hành kinh doanh quốc tế hiện nay. Phần đầu nội dung môn học bao quát các chủ đề về bản chất và đặc trưng của vận tải quốc tế nói chung và vận tải đa phương thức nói riêng ở cấp độ quốc gia lẫn quốc tế.
48	INT704	**Học phần thực tập cuối khóa/ *Internship in International Business***	Thực tập cuối khoá là học phần bắt buộc trong một chương trình đào tạo và là một công đoạn trong quy trình đào tạo nhằm giúp sinh viên ứng dụng các kiến thức đã học vào môi trường nghề nghiệp thực tế để hiểu rõ hơn lý thuyết, giúp sinh viên bổ sung các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cần thiết cho tương lai và đóng góp các ý kiến cho đơn vị tại nơi thực tập.

TT	Mã HP	Tên Học phần	Mô tả
			Học phần này được bố trí vào giai đoạn cuối của khóa học sau khi sinh viên đã cơ bản tích lũy đủ kiến thức của chương trình đào tạo để có thể hoàn thành tốt yêu cầu chuyên môn đối với học phần này.
49	INB733	**Học phần khóa luận tốt nghiệp/ *Dissertation in International Business***	Khóa luận tốt nghiệp là một sản phẩm khoa học, phản ánh kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên về lĩnh vực Kinh doanh quốc tế. Trên cơ sở định hướng và chỉ dẫn của người hướng dẫn khoa học, sinh viên sẽ ứng dụng kiến thức ngành Kinh tế quốc tế và phương pháp nghiên cứu khoa học để nghiên cứu một vấn đề thực tiễn. Từ đó gợi ý định hướng hoặc đề xuất giải pháp góp phần hoàn thiện vấn đề phát sinh trong thực tiễn

17. Hướng dẫn thực hiện

17.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

17.2. Thay thế Khóa luận tốt nghiệp: Trường hợp sinh viên không thực hiện học phần Khóa luận tốt nghiệp, nhóm các môn học thay thế phải có tổng số tín chỉ tương đương 9.

17.3. Các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng: Là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp (có chứng chỉ hoàn thành), không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

17.4. Các môn học tiếng Anh: Không thiết kế các học phần tiếng Anh căn bản vào Chương trình đào tạo. Tiếng Anh chuyên ngành gồm 2 học phần với tổng số 4 đơn vị tín chỉ: Tiếng Anh chuyên ngành 1 (2 đvtc) và Tiếng Anh chuyên ngành Kinh doanh quốc tế (2 đvtc).

17.5. Chuẩn Tin học:

+ ***Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:***

(a) Sinh viên đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức;

(b) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;

(c) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

+ ***Chuẩn Tin học đầu ra: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:***

(a) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;

(b) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

17.6. Chuẩn tiếng Anh:

+ Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải đạt điểm theo yêu cầu của Trường thông qua kỳ kiểm tra năng lực tiếng Anh đầu khóa, hoặc các điểm tiếng Anh quốc tế tương đương A2 (TOEIC 350, IELTS 3.5 ...). Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng nhận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

+ Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ/chứng chận để chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

17.7. Chuẩn kỹ năng mềm

Sinh viên hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của nhà trường.

- Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy trong chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học.

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG	KHOA PHỤ TRÁCH CTĐT TRƯỞNG KHOA
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
PGS. TS. Nguyễn Đức Trung	**PGS. TS. Hà Văn Dũng**